

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân, gồm:

1. Hình thức, nội dung, chương trình đào tạo lái xe; tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe; cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe); tiêu chuẩn, điều kiện Giáo viên dạy lái xe; cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe); cấp Giấy phép xe tập lái (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép xe tập lái).

2. Hình thức, nội dung, quy trình, quản lý sát hạch để cấp Giấy phép lái xe; tiêu chuẩn, điều kiện của trung tâm sát hạch lái xe và cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân); tiêu chuẩn sát hạch viên, tổ chức tập huấn, cấp Thẻ sát hạch viên (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Thẻ sát hạch viên); Hội đồng sát hạch lái xe; trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe.

3. Cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe).

4. Hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiêu chuẩn, trách nhiệm của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng; cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (gồm cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương).

2. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

3. Cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân.

4. Người thực hiện, tham gia công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân

Các đối tượng sau đây được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ), gồm:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

2. Học viên các học viện, trường Công an nhân dân, trừ học viên hệ dân sự.

3. Công nhân công an; người có hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách nhà nước tại Công an các đơn vị, địa phương do thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương trực tiếp ký kết với người lao động, gồm hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Giấy phép lái xe Công an nhân dân* là giấy phép lái xe do Bộ Công an cấp cho cán bộ, chiến sĩ để điều khiển một hoặc một số loại xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Thông tư này.

2. *Giấy phép lái xe hệ dân sự* là giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) cấp hoặc giấy phép lái xe do Bộ Công an cấp cho người điều khiển xe cơ giới đường bộ quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 5. Thẩm quyền tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục Cảnh sát giao thông có thẩm quyền:

a) Tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an; học viên các học viện, trường Công an nhân dân; học viên đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe thuộc các học viện, trường Công an nhân dân, đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;

b) Tổ chức sát hạch lại các trường hợp có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an.

2. Phòng Cảnh sát giao thông có thẩm quyền:

a) Tổ chức đào tạo, sát hạch lái xe mô tô các hạng A, B1;

b) Tổ chức sát hạch lái xe các trường hợp do cơ sở đào tạo lái xe thuộc Công an cấp tỉnh đào tạo cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh và cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn khi có đề nghị;

c) Tổ chức sát hạch lại các trường hợp có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn khi có đề nghị;

d) Thu hồi giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc phạm vi quản lý của Công an cấp tỉnh, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn.

3. Cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân tổ chức đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

4. Các học viện, trường Công an nhân dân tổ chức đào tạo lái xe cho học viên khoa Cảnh sát giao thông.

Điều 6. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, sát hạch, phần mềm, cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng tài liệu đào tạo, sát hạch, bồi dưỡng gồm: giáo trình đào tạo lái xe, tài liệu tập huấn, bộ câu hỏi sát hạch lái xe, giáo trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, đăng tải bộ câu hỏi sát hạch lái xe trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông.

2. Cục Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng phần mềm sát hạch lý thuyết, phần mềm sát hạch thực hành kỹ năng lái xe ô tô cơ bản chấm điểm tự động; phần mềm quản lý giấy phép lái xe trình lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt.

3. Cục Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp với Phòng Cảnh sát giao thông xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa hồ sơ về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, kết nối, chia sẻ với các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông (sau đây gọi chung là người có thẩm quyền) có thẩm quyền quyết định các giấy tờ thuộc phạm vi quản lý như sau:

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

b) Cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, Giấy phép xe tập lái, giấy phép lái xe;

c) Quyết định mở lớp đào tạo lái xe; Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe;

d) Quyết định thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, Quyết định thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

e) Thông báo tiếp nhận, trả lời xác minh về giấy phép lái xe.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên.

3. Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe có thẩm quyền cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

4. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân có thẩm quyền cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho học viên khoa Cảnh sát giao thông.

Điều 8. Phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe Công an nhân dân

Phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí sát hạch, lệ phí cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất, cơ sở đào tạo lái xe báo cáo Cục Cảnh sát giao thông tình hình, kết quả công tác đào tạo lái xe, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và năng lực đào tạo.

2. Định kỳ hàng tháng, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất, Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo tình hình, kết quả công tác đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép lái xe Công an nhân dân của địa phương và chuyển dữ liệu quản lý giấy phép lái xe Công an nhân dân của địa phương về Cục Cảnh sát giao thông.

3. Cục Cảnh sát giao thông tổng hợp, quản lý dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do Công an các địa phương, cơ sở đào tạo lái xe chuyển về để phục vụ yêu cầu công tác.

Điều 10. Các biểu mẫu, phụ lục sử dụng trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe (Mẫu số 01).

2. Đơn đề nghị học, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 02).

3. Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (Mẫu số 03).

4. Biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 04).
5. Danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (Mẫu số 05).
6. Danh sách xe ô tô đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (Mẫu số 06).
7. Xác nhận thông tin hồ sơ giấy phép lái xe (Mẫu số 07).
8. Sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (Mẫu số 08).
9. Sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 09).
10. Sổ quản lý giấy phép lái xe (Mẫu số 10).
11. Sổ lên lớp (Mẫu số 11).
12. Sổ theo dõi sử dụng phôi giấy phép lái xe (Mẫu số 12).
13. Sổ theo dõi sử dụng phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 13).
14. Phù hiệu “Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14A).
15. Phù hiệu “Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14B).
16. Phù hiệu “Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14C).
17. Phù hiệu “Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe” (Mẫu số 14D).
18. Phù hiệu “Sát hạch viên” (Mẫu số 14E).
19. Giấy phép lái xe Công an nhân dân (Mẫu số 15).
20. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (Mẫu số 16).
21. Giấy phép xe tập lái (Mẫu số 17).
22. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Mẫu số 18).
23. Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (Mẫu số 19).
24. Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe (Mẫu số 20).
25. Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (Mẫu số 21).
26. Quyết định mở lớp đào tạo lái xe (Mẫu số 22).
27. Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe (Mẫu số 23).

28. Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe (Mẫu số 24).

29. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (Mẫu số 25).

30. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng A (Phụ lục I).

31. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B1 (Phụ lục II).

32. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B, C1, C, D1, D2, D (Phụ lục III).

33. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE (Phụ lục IV).

34. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE (Phụ lục V).

35. Thực hành kỹ năng lái xe tiến, lùi qua hình chữ chi và quay đầu xe trong sân hẹp (Phụ lục VI).

36. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao mô tô hạng A (Phụ lục VII).

37. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao mô tô hạng B1 (Phụ lục VIII).

38. Bài sát hạch kỹ năng lái xe nâng cao ô tô hạng B, C1, C (Phụ lục IX).

Chương II

ĐÀO TẠO LÁI XE

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, TRÁCH NHIỆM

CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 11. Cơ sở đào tạo lái xe và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm về năng lực đào tạo, bao gồm: tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất, xe tập lái, giáo viên dạy lái xe theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư này và được người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

2. Cơ sở đào tạo lái xe chỉ được đào tạo số lượng học viên không quá số lượng học viên theo Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

3. Cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được cấp khi đề nghị công nhận năng lực đào tạo lái xe lần đầu hoặc khi thay đổi năng lực đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; Quyết định thành lập cơ sở đào tạo lái xe (đối với trường hợp đề nghị công nhận năng lực đào tạo lái xe lần đầu); Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe đã được cấp (đối với trường hợp thay đổi năng lực đào tạo lái xe); các tài liệu chứng minh tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông (sau đây gọi chung là cơ quan có thẩm quyền). Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không đủ điều kiện cấp, thì phải trả lời bằng văn bản về việc không cấp và nêu rõ lý do.

4. Đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được đổi khi bị sai thông tin hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe đã cấp;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, nêu rõ lý do bị mất;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị thu hồi khi cấp sai thẩm quyền hoặc cơ sở đào tạo lái xe không bảo đảm một trong các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này hoặc cơ sở đào tạo lái xe không tổ chức đào tạo lái xe trong khoảng thời gian 24 tháng liên tục hoặc cơ sở đào tạo lái xe bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm nộp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất

Cơ sở đào tạo lái xe phải có các phòng học pháp luật về giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, kỹ thuật lái xe; phòng giáo viên; xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; sân tập lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo bảo đảm thời gian thực hiện đào tạo; bố trí đường tập lái xe bảo đảm theo tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học pháp luật về giao thông đường bộ

a) Bảo đảm diện tích từ $0,7m^2$ trở lên cho mỗi học viên;

b) Có thiết bị nghe nhìn; hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình bố trí các tình huống giả định;

c) Phòng học lý thuyết trên máy tính được bố trí riêng biệt; hệ thống máy tính gồm máy chủ, máy in và ít nhất 10 máy tính được kết nối mạng, có cài đặt phần mềm học và sát hạch lý thuyết do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học cấu tạo ô tô

a) Bảo đảm diện tích từ $50m^2$ trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình hoặc hình ảnh 3D cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống điện; cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng học kỹ thuật lái xe

a) Bảo đảm diện tích từ $50m^2$ trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình, đồ dùng giảng dạy, sa hình thu nhỏ hoặc hình ảnh mô hình 3D để dạy thao tác lái xe cơ bản, kỹ năng và kinh nghiệm lái xe trên các loại đường;

c) Có ca bin điện tử hoặc đầu ca bin thực tế kê cao bảo đảm an toàn đề tập số nguội (thao tác khi động cơ nổ) và thiết bị hỗ trợ khác.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với phòng giáo viên

a) Có bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, đồ dùng giảng dạy cần thiết;

b) Có bảng ghi chương trình đào tạo và tiến độ đào tạo.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa ô tô

a) Bảo đảm diện tích từ 50m^2 trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình chi tiết và tổng thành của hệ thống gầm, động cơ, điện, hệ thống cung cấp nhiên liệu, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Bảo đảm yêu cầu về an toàn cho người lái xe thực tập;

d) Được trang bị đồ nghề chuyên dùng để thực hành thao tác kiểm tra điều chỉnh các hệ thống động cơ, gầm, điện ô tô, phanh, lái và các bộ phận cần thiết khác.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với sân tập lái xe

a) Sân tập lái xe phải bố trí các hình liên hoàn hoặc từng hình tập tương ứng với tiêu chuẩn hình thi tại trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm loại xe điều khiển phù hợp với từng hạng giấy phép lái xe đào tạo;

b) Diện tích sân tập tối thiểu đối với từng hạng xe như sau:

Sân tập lái xe hạng A, B1: 1.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng B: 8.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng C1, C: 10.000m^2 ;

Sân tập lái xe hạng D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: 14.000m^2 ;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, bề mặt làn đường và hình tập lái; trong sân phải được rải thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đầy đủ vạch sơn kẻ đường; có nhà chờ cho học viên; có đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo;

d) Đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo từ 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe;

đ) Bảo đảm diện tích tối thiểu để bố trí các bài thực hành nâng cao mô tô là 800m^2 , ô tô là 500m^2 .

7. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với đường tập lái xe

Đường tập lái xe được bố trí trên tuyến đường có đủ các tình huống giao thông (giao nhau cùng mức, chỗ rộng, chỗ hẹp, có đoạn lên dốc, xuống dốc, mật độ tham gia giao thông ở mức trung bình) và được ghi rõ trong Giấy phép xe tập lái.

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện xe tập lái và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép xe tập lái

1. Xe mô tô dùng để tập lái

Cơ sở đào tạo lái xe mô tô phải trang bị xe mô tô tập lái có dung tích xi lanh hoặc có công suất động cơ điện tương ứng với hạng đào tạo và phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định. Xe mô tô dùng để tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Xe ô tô dùng để tập lái

a) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải trang bị xe ô tô loại chuyển số cơ khí và xe ô tô loại chuyển số tự động đối với hạng B. Xe ô tô dùng để tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Xe ô tô tập lái phải có: bộ phận phanh phụ kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn; được đăng ký, gắn biển số đúng quy định; có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; gắn 02 biển “TẬP LÁI”, 01 biển ở đầu xe trên thanh cản phía trước và 01 biển ở cuối xe trên thanh cản phía sau hoặc phía sau bên trái thùng xe theo mẫu quy định, biển có nền xanh, chữ màu trắng, kích thước như sau: đối với xe hạng B, C1, BE, C1E biển trước và biển sau kích thước 10cm x 25cm; đối với xe hạng C, D1, D2, D, CE, D1E, D2E, DE biển trước kích thước 10cm x 25cm, biển sau kích thước 35cm x 35cm. Đối với xe ô tô tải dùng để tập lái phải có ghế ngồi cho học viên được gắn cố định trên thùng xe, có mui che mưa, nắng; xe ô tô tải sử dụng để làm xe tập lái hạng B phải có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 2.500 kg đến 3.500 kg.

3. Cấp Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được cơ quan có thẩm quyền cấp cho xe ô tô dùng làm xe tập lái đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời hạn được phép lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới nhưng không vượt quá thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái, danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái và giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tiêu chuẩn, điều kiện cấp Giấy phép xe tập lái. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Giấy phép xe tập lái; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Đổi Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được đổi khi bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Giấy phép xe tập lái, danh sách xe đề nghị đổi Giấy phép xe tập lái; Giấy phép xe tập lái đã được cấp lần gần nhất; giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện (đối với trường hợp hết thời hạn sử dụng);

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Giấy phép xe tập lái; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Cấp lại Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái nêu rõ lý do bị mất, danh sách xe đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái; giấy tờ chứng minh xe tập lái đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Giấy phép xe tập lái; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Thu hồi Giấy phép xe tập lái

a) Giấy phép xe tập lái bị thu hồi khi cấp sai đối tượng hoặc cấp sai thẩm quyền, sử dụng không đúng mục đích hoặc cơ sở đào tạo lái xe không còn nhu cầu sử dụng;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Giấy phép xe tập lái thuộc trường hợp bị thu hồi thì người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy phép xe tập lái và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe để thực hiện. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm nộp lại Giấy phép xe tập lái cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 14. Tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt;

b) Có đủ sức khỏe theo quy định;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

d) Là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân hoặc người có hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công an các đơn vị, địa phương, cơ sở đào tạo lái xe.

2. Giáo viên dạy lý thuyết lái xe mô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo.

3. Giáo viên dạy lý thuyết lái xe ô tô phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu; văn hóa giao thông phải có: giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp thuộc các trường Công an nhân dân trở lên;

b) Giáo viên dạy môn cấu tạo sửa chữa thông thường phải có: giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô;

c) Giáo viên dạy môn kỹ thuật lái xe phải có: giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo nhưng không được thấp hơn hạng B, còn hiệu lực; bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô.

4. Giáo viên dạy thực hành lái xe mô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo và giấy phép đó đủ thời gian từ 02 năm trở lên kể từ ngày được cấp.

5. Giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có giấy phép lái xe tương ứng hoặc cao hơn hạng giấy phép lái xe đào tạo, còn hiệu lực;

c) Giáo viên được phân công dạy các hạng ô tô phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 02 năm trở lên kể từ ngày được cấp và có đủ thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên.

Thời gian lái xe an toàn là thời gian giáo viên có giấy phép lái xe còn hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 15. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho người có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức giảng dạy, kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đối với học viên đạt yêu cầu. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe do người có thẩm quyền cấp có thời hạn sử dụng 03 năm, gồm: giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu; văn hóa giao thông; giáo viên dạy cấu tạo sửa chữa thông thường; giáo viên dạy kỹ thuật lái xe; giáo viên dạy thực hành lái xe.

2. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được cấp cho người đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này, đã tham gia tập huấn và kiểm tra đạt yêu cầu;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: kế hoạch tập huấn; danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; giấy tờ chứng minh đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này;

c) Trình tự giải quyết: ngay sau khi kết thúc tập huấn, kiểm tra, cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe cho học viên đủ điều kiện.

3. Đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được đổi khi bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, danh sách giáo viên đề nghị đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đã cấp; giấy tờ chứng minh đủ điều kiện đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền ít nhất 10 ngày trước ngày Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hết thời hạn. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, danh sách giáo viên đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; giấy tờ chứng minh đủ điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe;

c) Trình tự giải quyết: cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe bị thu hồi khi có hành vi gian lận để được tham dự tập huấn và kiểm tra để được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hoặc cấp cho người không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Thông tư này hoặc do người không có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xoá, sửa chữa hoặc không còn là giáo viên giảng dạy tại các cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân hoặc giấy phép lái xe bị trừ hết điểm hoặc gây tai nạn giao thông từ mức nghiêm trọng trở lên;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và thông báo cho cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe để cơ sở đào tạo lái xe nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe về cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo lái xe

1. Bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo lái xe đã được công nhận; báo cáo cơ quan quản lý đào tạo lái xe khi không bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo lái xe đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Công khai điều kiện tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, phí sát hạch, lệ phí cấp giấy phép lái xe.

3. Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với học viên về đối tượng, độ tuổi, sức khỏe.

4. Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; chấm điểm các môn kiểm tra theo quy định; đánh giá kết quả học tập của học viên; tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho các học viên đủ điều kiện.

5. Đăng ký với cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe về việc tổ chức kỳ sát hạch lái xe.

6. Bảo quản hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

Mục 2

CÁN BỘ, CHIẾN SĨ HỌC LÁI XE

Điều 17. Điều kiện của cán bộ, chiến sĩ học lái xe

1. Bảo đảm về sức khỏe theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sĩ học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe an toàn. Nâng 01 hạng giấy phép lái xe thì phải có thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên. Nâng từ 02 hạng giấy phép lái xe trở lên thì phải có thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

Thời gian lái xe an toàn là thời gian cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe còn hiệu lực, không gây tai nạn giao thông đường bộ.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký học lái xe

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ đăng ký học lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp theo quy định còn thời hạn sử dụng.

3. 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

4. Đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân phải có thêm bản sao quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền.

Mục 3

HÌNH THỨC, CHƯƠNG TRÌNH, TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 19. Hình thức đào tạo

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tổ chức đào tạo các môn học lý thuyết và thực hành theo chương trình quy định tại Thông tư này. Đối với các môn học pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, văn hóa giao thông, văn hóa lái

xe Công an nhân dân nếu học viên có nhu cầu tự học thì phải đăng ký tại cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn học.

2. Các môn học đối với các hạng giấy phép lái xe ô tô phải được kiểm tra tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe và được cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe.

3. Cơ sở đào tạo lái xe được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu, nhưng phải đảm bảo nội dung, chương trình và thời lượng theo quy định.

Điều 20. Chương trình đào tạo lái xe các hạng A, B1

Chương trình đào tạo lái xe các hạng A, B1 gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo

a) Hạng A: 36 giờ học;

b) Hạng B1: 54 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE	
			HẠNG A	HẠNG B1
I	Đào tạo lý thuyết		22	38
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	12	20
2	Cấu tạo, sửa chữa thông thường và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	2	4
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	4
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	2	4
5	Kỹ thuật lái xe	giờ học	4	6
II	Đào tạo thực hành		14	16
1	Số giờ học thực hành lái xe cơ bản/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	10	10

2	Số giờ học thực hành lái xe nâng cao/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	2	3
3	Số giờ học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	2	3
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	36	54

3. Học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà thực hiện theo Chương trình đào tạo của học viện, trường Công an nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Chương trình đào tạo lái xe các hạng B, C1, C

Chương trình đào tạo lái xe các hạng B, C1, C gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo

- a) Hạng B: 231 giờ học;
- b) Hạng C1: 241 giờ học;
- c) Hạng C: 273 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B	HẠNG C1	HẠNG C
I	Đào tạo lý thuyết	giờ học	132	132	142
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	90	90	90
2	Cấu tạo, sửa chữa thông thường và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	8	8
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	16	16	16
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	8	8	8
5	Kỹ thuật lái xe	giờ học	10	10	20
II	Đào tạo thực hành				
1	Tổng số thời gian học thực hành lái xe ô tô/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	99	109	131
Trong đó	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái loại chuyển số cơ khí	giờ học	41	43	45

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B	HẠNG C1	HẠNG C
	Thời gian học thực hành lái xe nâng cao trên sân tập lái sử dụng xe ô tô con loại chuyển số tự động	giờ học	8	8	8
	Thời gian học thực hành lái xe trên đường giao thông loại chuyển số cơ khí	giờ học	40	50	70
	Thời gian học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ trên đường sử dụng xe ô tô con loại chuyển số cơ khí	giờ học	8	8	8
	Thời gian học thực hành lái xe ô tô loại chuyển số tự động	giờ học	2	0	0
2	Tổng số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	1220	1220	1620
Trong đó	Số km học thực hành lái xe loại chuyển số cơ khí trên sân tập lái	km	230	275	300
	Số km học thực hành lái xe nâng cao trên sân tập lái sử dụng xe ô tô con loại chuyển số tự động	km	60	60	60
	Số km học thực hành lái xe trên đường giao thông	km	810	825	1200
	Số km học thực hành lái xe xử lý tình huống nghiệp vụ trên đường sử dụng xe ô tô con loại chuyển số cơ khí	km	60	60	60
	Số km học thực hành lái xe ô tô loại chuyển số tự động	km	60	0	0
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	231	241	273

3. Học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông không thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà thực hiện theo Chương trình đào tạo của học viện, trường Công an nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe Công an nhân dân

Chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe gồm thời gian, nội dung và phân bổ thời gian các môn học, cụ thể như sau:

1. Thời gian đào tạo:

- a) Hạng B lên C1: 39 giờ học;
- b) Hạng B lên C: 51 giờ học;
- c) Hạng B lên D1: 66 giờ học;
- d) Hạng B lên D2: 71 giờ học;
- đ) Hạng C1 lên C: 39 giờ học;
- e) Hạng C1 lên D1: 52 giờ học;

- g) Hạng C1 lên D2: 57 giờ học;
 h) Hạng C lên D1: 39 giờ học;
 i) Hạng C lên D2: 46 giờ học;
 k) Hạng C lên D: 75 giờ học;
 l) Hạng D1 lên D2: 39 giờ học;
 m) Hạng D2 lên D: 57 giờ học;
 n) Hạng D1 lên D: 67 giờ học;
 o) Hạng B lên BE, C lên CE: 57 giờ học;
 p) Hạng C1, D1, D2, D lên các hạng tương ứng C1E, D1E, D2E, DE: 67 giờ học;
 q) Hạng D1, D2, D lên hạng CE: 67 giờ học.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

a) Bảng số 1

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE									
			B lên C1	B lên C	B lên D1	B lên D2	C1 lên C	C1 lên D1	C1 lên D2	D1 lên D2	D2 lên D	D1 lên D
I	Đào tạo lý thuyết		30	34	44	44	30	38	40	30	30	40
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	16	16	20	20	16	16	16	16	16	18
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	10	10	10	8	8	10	8	8	8
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	4	10	10	2	10	10	2	2	10
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
II	Đào tạo thực hành											
1	Số giờ thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	9	17	22	27	9	14	17	9	27	27
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	4	7	10	12	4	6	7	4	10	10

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE									
			B lên C1	B lên C	B lên D1	B lên D2	C1 lên C	C1 lên D1	C1 lên D2	D1 lên D2	D2 lên D	D1 lên D
	Số giờ thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	5	10	12	15	5	8	10	5	17	17
2	Số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	120	240	360	380	120	190	240	120	190	380
Trong đó	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	km	15	30	50	52	15	26	30	15	26	40
	Số km thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	km	105	210	310	328	105	164	210	105	164	340
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	39	51	66	71	39	52	57	39	57	67

b) Bảng số 2

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE								
			C lên D1	C lên D2	C lên D	B lên BE	C1 lên C1E	C lên CE	D1 lên D1E, CE	D2 lên D2E, CE	D lên DE, CE
I.	Đào tạo lý thuyết		30	32	48	40	40	40	40	40	40
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	giờ học	16	18	20	16	16	16	16	16	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị nghiệp vụ trên xe Công an nhân dân	giờ học	8	8	14	10	10	10	10	10	10
3	Văn hóa giao thông và văn hóa lái xe trong Công an nhân dân	giờ học	2	2	10	10	10	10	10	10	10
4	Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn và kỹ năng cấp cứu	giờ học	4	4	4	4	4	4	4	4	4
II	Đào tạo thực hành										
1	Số giờ thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	9	14	27	17	27	17	27	27	27

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE								
			C lên D1	C lên D2	C lên D	B lên BE	C1 lên C1E	C lên CE	D1 lên D1E, CE	D2 lên D2E, CE	D lên DE, CE
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	4	6	12	7	10	7	10	10	10
	Số giờ thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	giờ học	5	8	15	10	17	10	17	17	17
2	Số km thực hành lái xe/01 cán bộ, chiến sĩ	km	120	190	380	240	380	240	380	380	380
Trong đó	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 cán bộ, chiến sĩ	km	15	26	52	30	40	30	40	40	40
	Số km thực hành lái xe trên đường/01 cán bộ, chiến sĩ	km	105	164	328	210	340	210	340	340	340
III	Tổng thời gian đào tạo	giờ học	39	46	75	57	67	57	67	67	67

Điều 23. Tổ chức đào tạo lái xe

1. Đào tạo lái xe mô tô

a) Cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ;

b) Trước thời gian dự kiến khai giảng khóa học ít nhất 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch đào tạo, lập danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ, gửi về cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe;

c) Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

d) Kết thúc khóa học, cơ sở đào tạo lái xe báo cáo cơ quan có thẩm quyền: Kết quả đào tạo lái xe, danh sách và hồ sơ dự sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ. Người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Đào tạo lái xe ô tô

a) Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ;

b) Trước thời gian dự kiến khai giảng khóa học ít nhất 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe gửi hồ sơ báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc mở lớp đào tạo lái xe, gồm: văn bản đề nghị mở lớp kèm kế hoạch đào tạo, danh sách phân xe, danh sách

phân công giáo viên, danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ học lái xe. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các điều kiện mở lớp đào tạo lái xe phù hợp với thực tế và năng lực đào tạo. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe;

c) Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư này; cơ sở đào tạo lái xe phải bố trí đủ xe tập lái, số cán bộ, chiến sĩ trong nhóm học thực hành lái xe được tính lưu lượng trên một xe tập lái:

Tối đa không quá 05 người đối với hạng B;

Tối đa không quá 08 người đối với: hạng C1, C; hạng B lên hạng C1, lên hạng C, lên hạng D1, lên hạng D2; hạng C1 lên hạng C, lên hạng D1, lên hạng D2; hạng C lên hạng D1, lên hạng D2; hạng D1 lên hạng D2 và nâng các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE; hạng D1, D2, D lên CE;

Tối đa không quá 10 người đối với nâng hạng C lên hạng D, hạng D1 lên hạng D, hạng D2 lên hạng D;

d) Kết thúc khóa học, cán bộ, chiến sĩ học lái xe được kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe khi học đủ thời gian nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành. Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức ôn luyện và kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho cán bộ, chiến sĩ học lái xe, gồm: kiểm tra lý thuyết trên máy tính; kiểm tra thực hành lái xe với các hình liên hoàn, tiến lùi chữ chi, bài lái xe nâng cao và kiểm tra kỹ năng lái xe trên đường. Cán bộ, chiến sĩ đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe;

đ) Cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả đào tạo và đề nghị sát hạch lái xe, kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ học lái xe, hồ sơ sát hạch lái xe để người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

3. Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe ô tô, cơ quan có thẩm quyền bố trí cán bộ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo lái xe.

Chương III

SÁT HẠCH LÁI XE

Mục 1

ĐIỀU KIỆN, TRÁCH NHIỆM CỦA TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 24. Điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận trung tâm sát hạch lái xe

1. Sát hạch lái xe được thực hiện tại Trung tâm Huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo và sát hạch lái xe thuộc Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Cục Cảnh sát giao thông, các

trung tâm có chức năng sát hạch lái xe được người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân hoặc tại Trung tâm sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là trung tâm sát hạch lái xe). Trung tâm sát hạch lái xe có cài đặt phần mềm sát hạch lý thuyết được tổ chức sát hạch lý thuyết đối với tất cả các hạng giấy phép lái xe.

2. Trung tâm sát hạch lái xe ô tô phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật sân sát hạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ và có các phòng sát hạch lý thuyết, phòng chờ sát hạch, phòng điều hành thiết bị chấm điểm sát hạch lái xe trong hình, phòng hội đồng sát hạch, các công trình phụ trợ khác; bố trí bài sát hạch nâng cao ô tô theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Thiết bị sát hạch có kết nối không dây không được lưu trữ hình ảnh và thông tin đơn vị công tác của cán bộ, chiến sĩ dự kỳ sát hạch.

3. Xe sát hạch

a) Xe mô tô dùng để sát hạch: xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của trung tâm sát hạch lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe; xe sát hạch phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định;

b) Xe ô tô dùng để sát hạch: xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của trung tâm sát hạch lái xe và có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; xe sử dụng để sát hạch trong các hình liên hoàn được lắp đặt thiết bị chấm điểm tự động; xe dùng để sát hạch trên đường giao thông công cộng phải có bộ phận phanh phụ kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn; có gắn 02 biển “SÁT HẠCH”, 01 biển phía trước và 01 biển phía sau xe, biển có nền xanh, chữ màu trắng, kích thước và vị trí gắn biển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

4. Sát hạch lái xe mô tô thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc các sân có đủ điều kiện theo quy định. Sát hạch lý thuyết được thực hiện trên máy tính theo bộ câu hỏi sát hạch lái xe do Cục Cảnh sát giao thông ban hành. Sát hạch kỹ năng thực hành lái xe hạng A phải đủ điều kiện theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục VII, hạng B1 phải đủ điều kiện theo quy định tại Phụ lục II và Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được cấp khi đề nghị công nhận lần đầu hoặc khi thay

đổi một trong các điều kiện, yêu cầu của trung tâm sát hạch lái xe theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định thành lập trung tâm sát hạch lái xe; báo cáo về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và các giấy tờ chứng minh bảo đảm về điều kiện, yêu cầu sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện, yêu cầu theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được đổi khi bị sai thông tin hoặc bị hỏng;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản đề nghị đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân đã cấp;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân, nêu rõ lý do bị mất;

c) Trình tự giải quyết: trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm b khoản này, gửi cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Thu hồi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân

a) Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân bị thu hồi khi cấp sai thẩm quyền hoặc trung tâm sát hạch lái xe không bảo đảm một trong các điều kiện, yêu cầu theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này hoặc trung tâm sát hạch lái xe không tổ chức hoạt động sát hạch lái xe trong khoảng thời gian 24 tháng liên tục hoặc trung tâm sát hạch lái xe bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân thuộc trường hợp bị thu hồi thì người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi và thông báo cho trung tâm sát hạch lái xe để thực hiện. Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm nộp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 25. Trách nhiệm của trung tâm sát hạch lái xe

1. Bảo đảm điều kiện, yêu cầu theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 24 Thông tư này. Báo cáo cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe khi không bảo đảm và duy trì về điều kiện, yêu cầu sát hạch lái xe đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe đã cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Không được tự ý thay đổi hoặc sử dụng phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, chủng loại xe sát hạch khi chưa có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp, tạo điều kiện để cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và Hội đồng sát hạch lái xe tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.

4. Phối hợp bảo đảm các điều kiện để tổ chức sát hạch theo quy định, bảo đảm thuận tiện, an toàn; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật khi có tai nạn xảy ra tại trung tâm.

5. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ theo quy định.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và bảo quản hồ sơ theo quy định.

7. Trong quá trình tổ chức sát hạch, máy tính bố trí tại phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành sát hạch lái xe trong hình không được sử dụng dịch vụ truy cập Internet hoặc nối mạng máy tính nội bộ ra ngoài phòng sát hạch (trừ trường hợp truyền dữ liệu về cơ quan quản lý để giám sát); máy chủ không được cài các phần mềm kết nối điều khiển máy tính từ xa, các phần mềm không liên quan đến nội dung sát hạch lý thuyết.

Mục 2

TỔ CHỨC SÁT HẠCH

Điều 26. Hồ sơ sát hạch lái xe

1. Hồ sơ sát hạch lái xe lần đầu:

a) Hồ sơ quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe theo Mẫu số 19 ban hành kèm theo Thông tư này (trừ hạng A và B1).

2. Hồ sơ sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ cấp giấy phép lái xe;

c) Bản sao giấy phép lái xe còn giá trị sử dụng (xuất trình bản chính khi nộp hồ sơ, sát hạch và cắt góc khi nhận giấy phép lái xe mới);

d) Đối với hồ sơ, giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có nhu cầu nâng hạng sang giấy phép lái xe Công an nhân dân, phải nộp bản sao có chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc quyết định lên lương gần nhất hoặc Chứng minh Công an nhân dân hoặc bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân.

3. Hồ sơ sát hạch do giấy phép lái xe quá hạn:

a) Hồ sơ cấp giấy phép lái xe;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 18 Thông tư này (đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân phải có thêm bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền).

Điều 27. Tiêu chuẩn sát hạch viên; tập huấn, kiểm tra và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên

Tiêu chuẩn sát hạch viên; việc tập huấn, kiểm tra và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 28. Hội đồng sát hạch lái xe

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sát hạch lái xe và hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 23 Thông tư này, người có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Thành phần Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông gồm lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe là ủy viên (trường hợp sát hạch lái xe cho học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông thì đại diện các trường Công an nhân dân có học viên tham dự sát hạch là ủy viên); cán bộ Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông là thư ký và sát hạch viên;

b) Hội đồng sát hạch lái xe của Công an địa phương do lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; chỉ huy Đội Sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe là ủy viên (nếu có); cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông là thư ký; cán bộ Công an tỉnh, thành phố là sát hạch viên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Phổ biến các quy định về nội quy, kỷ luật sát hạch, nội dung, phương pháp sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết và khu vực sát hạch thực hành lái xe;

b) Kiểm tra và yêu cầu thực hiện các điều kiện bảo đảm tổ chức kỳ sát hạch;

c) Tổ chức việc sát hạch lái xe theo quy định; tạm dừng việc sát hạch lái xe;

d) Xác nhận kết quả sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

đ) Xem xét giải quyết theo thẩm quyền các trường hợp khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

e) Đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy sát hạch lái xe và thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, chiến sĩ đó;

g) Quá trình tổ chức sát hạch lái xe nếu xảy ra tai nạn thì trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe và cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: trực tiếp chỉ đạo hoặc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng sát hạch tổ chức thực hiện kỳ sát hạch lái xe; kết luận, ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của từng cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; thông qua biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe với các thành viên Hội đồng khi kết thúc kỳ sát hạch; đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch vi phạm nội quy sát hạch lái xe; tạm dừng việc sát hạch lái xe khi thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình, xe sát hạch không bảo đảm an toàn; xem xét giải quyết khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: thực hiện các nhiệm vụ khi được Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công; chịu trách nhiệm tổ chức Hội đồng sát hạch lái xe trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe: thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công. Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kỳ sát hạch. Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe chịu trách nhiệm về công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ trong quá trình sát hạch;

d) Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe: là sát hạch viên, thực hiện nhiệm vụ phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; công bố Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; điểm danh cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch trước khi vào sát hạch; kiểm tra điều kiện của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; tập hợp kết quả sát hạch và biên bản các trường hợp vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có) để báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe quyết định; hoàn chỉnh hồ sơ sát hạch để trình ký; bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến kỳ sát hạch cho bộ phận bảo quản;

đ) Sát hạch viên: thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đánh giá kết quả sát hạch của cán bộ, chiến sĩ trên từng nội dung sát hạch; lập biên bản đối với những cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có), lập biên bản đối với các trường hợp bị lỗi thiết bị, phương tiện sát hạch và báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe quyết định.

5. Thành viên Hội đồng sát hạch lái xe khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân và đeo phù hiệu theo quy định.

6. Hội đồng sát hạch lái xe tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 29. Nội dung, trình tự sát hạch lái xe

1. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe phải thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Đạt sát hạch lý thuyết được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản;
- b) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A, B1: đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao;
- c) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô lần đầu hạng B, C1, C: đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao, đạt sát hạch phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường;
- d) Đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô các hạng còn lại và giấy phép lái xe ô tô quá thời hạn sử dụng phải sát hạch lại: đạt phần thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được dự phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường.

2. Sát hạch lý thuyết trên máy tính theo bộ câu hỏi sát hạch lái xe do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.

3. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản:

- a) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng A theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B1 theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B, C1, C, D1, D2, D theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;
- d) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao:

- a) Mô tô hạng A theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Mô tô hạng B1 theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Ô tô các hạng B, C1, C theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch không đạt yêu cầu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được bảo lưu kết quả phần sát hạch lý thuyết trong thời gian 12 tháng; không đạt yêu cầu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được bảo lưu phần sát hạch kỹ năng lái xe cơ bản theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết; không đạt phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên

đường được bảo lưu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết.

7. Trong thời gian bảo lưu kết quả sát hạch, cán bộ, chiến sĩ được sát hạch lại các nội dung chưa đạt.

Điều 30. Thực hiện các phần sát hạch và công nhận kết quả sát hạch lái xe

1. Phần sát hạch lý thuyết căn cứ kết quả được in ra từ phần mềm sát hạch lý thuyết trên máy tính. Nội dung câu hỏi sát hạch và công nhận kết quả sát hạch lý thuyết thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

2. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ bản được thực hiện trên sân sát hạch. Tổng điểm phần sát hạch tối đa là 100 điểm. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch phải thực hiện đủ các bài sát hạch và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu. Thời gian sát hạch hạng A, B1 là 03 phút; hạng C1E, CE thực hiện 02 bài thi, bài 01 là 03 phút, bài 02 là 04 phút; hạng BE, D1E, D2E, DE là 03 phút. Thời gian sát hạch hạng D1, D2 là 15 phút; hạng B là 18 phút; hạng C1, C, D là 20 phút và được quy định tại phần mềm sát hạch thực hành kỹ năng lái xe ô tô chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông công nhận.

3. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao được thực hiện trên sân. Tổng điểm phần sát hạch tối đa là 100 điểm. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch phải thực hiện bài sát hạch và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu. Thời gian sát hạch là 03 phút.

4. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường được thực hiện đối với hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE. Hội đồng sát hạch bố trí 01 sát hạch viên chấm điểm độc lập hoặc chấm điểm bằng hệ thống chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông ban hành (nếu có). Tổng điểm phần sát hạch tối đa 100 điểm, đạt yêu cầu từ 80 điểm trở lên. Đoạn đường sát hạch tối thiểu 05 km, có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo các tình huống giao thông.

5. Căn cứ vào kết quả điểm sát hạch từng phần và nhận xét của sát hạch viên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe kết luận chung và ký vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

Điều 31. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe

1. Có mặt đúng giờ tại địa điểm sát hạch lái xe, mặc trang phục Công an nhân dân. Đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân thì mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

2. Xuất trình một trong các giấy tờ: Chứng minh Công an nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc giấy phép lái xe Công an nhân dân còn thời hạn để vào dự sát hạch lái xe.

3. Khi vào dự sát hạch phần lý thuyết, thực hành kỹ năng lái xe cơ bản, thực hành kỹ năng lái xe nâng cao cán bộ, chiến sĩ không được mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng lý thuyết và trên xe sát hạch; trường hợp vi phạm quy định thì bị xem xét, đình chỉ sát hạch và hủy kết quả sát hạch.

Chương IV

CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 32. Giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe Công an nhân dân bao gồm các hạng sau đây:

a) Hạng A1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;

b) Hạng A cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

c) Hạng B1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

d) Hạng B cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Hạng C1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B;

e) Hạng C cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1;

g) Hạng D1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng

toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng BE, C1E, D1E, D2E cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B, C1, D1, D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng CE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;

m) Hạng DE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nổi toa.

2. Thời hạn của giấy phép lái xe Công an nhân dân:

- a) Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1 không thời hạn;
- b) Giấy phép lái xe hạng B, C1 có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;
- c) Giấy phép lái xe các hạng C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

3. Cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân với 01 số riêng biệt gồm 12 chữ số tự nhiên. Trường hợp giấy phép lái xe đã được cấp, khi đổi, cấp lại thì thực hiện theo mẫu giấy phép lái xe được quy định tại Thông tư này.

4. Độ tuổi của cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân quy định như sau:

- a) Cán bộ, chiến sĩ đủ 18 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1 được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- b) Cán bộ, chiến sĩ đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;
- c) Cán bộ, chiến sĩ đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E, CE;
- d) Cán bộ, chiến sĩ đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;
- đ) Tuổi tối đa của cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ.

Điều 33. Cấp giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được cấp cho cán bộ, chiến sĩ sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.

2. Hồ sơ cấp giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe lần đầu; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe nâng hạng; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng phải sát hạch lại; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự giải quyết: căn cứ kết quả sát hạch lái xe, cơ quan có thẩm quyền nhập dữ liệu người trúng tuyển kỳ sát hạch vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe và vào sổ quản lý giấy phép lái xe. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe đạt yêu cầu, người có thẩm quyền phải cấp giấy phép lái xe cho cán bộ, chiến sĩ tích hợp giấy phép lái xe lên hệ thống dữ liệu điện tử và các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định. Việc tích hợp thông tin giấy phép lái xe lên các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân phải đảm bảo tính bảo mật theo quy định của Bộ Công an.

4. Cán bộ, chiến sĩ tự bảo quản hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

Điều 34. Đổi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe được đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;

- b) Trước thời hạn ghi trên giấy phép lái xe;
- c) Thay đổi thông tin ghi trên giấy phép lái xe;
- d) Giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có đề nghị của người được cấp đang thực hiện nhiệm vụ an ninh;
- đ) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hạng D đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D2 trở xuống.

2. Hồ sơ đề nghị đổi giấy phép lái xe gồm:

- a) Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày làm đơn;
- b) Giấy phép lái xe hoặc bản sao giấy phép lái xe (đối với những giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng), xuất trình bản chính để đối chiếu;
- c) 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này;
- d) Đối với hồ sơ, giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự khi có nhu cầu đổi sang giấy phép lái xe Công an nhân dân, phải nộp bản sao có chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc quyết định lên lương gần nhất hoặc Chứng minh Công an nhân dân hoặc bản sao chứng thực quyết định tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền đối với công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân;

đ) Trường hợp chưa có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý của cơ quan quản lý giấy phép lái xe thì phải xuất trình hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

3. Trình tự đổi giấy phép lái xe như sau:

- a) Cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu đổi giấy phép lái xe gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan quản lý giấy phép lái xe;
- b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền đổi giấy phép lái xe;

Cơ quan quản lý giấy phép lái xe nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe; đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm cấp đổi tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận,

ghi rõ tên cán bộ thực hiện; đối với những giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng khi trả kết quả phải cắt góc giấy phép lái xe cũ;

c) Trường hợp đổi giấy phép lái xe quân sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng biết để phối hợp quản lý. Hạng ghi trong giấy phép lái xe Công an nhân dân sau khi được đối tương ứng với hạng ghi trong giấy phép lái xe quân sự cấp trước đó. Đối với giấy phép lái xe quân sự hạng CX được đổi sang giấy phép lái xe Công an nhân dân hạng C. Thời hạn và số của giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư này.

Điều 35. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng nhưng bị mất thì được cấp lại.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày làm đơn;

b) Đơn cam kết chịu trách nhiệm về việc Giấy phép lái xe bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật;

c) 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này;

d) Trường hợp chưa có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý của cơ quan quản lý giấy phép lái xe, cán bộ, chiến sĩ phải xuất trình hồ sơ cấp giấy phép lái xe hoặc có văn bản xác nhận thông tin giấy phép lái xe đã cấp lần gần nhất của cơ quan quản lý giấy phép lái xe.

3. Trình tự giải quyết:

a) Cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan quản lý giấy phép lái xe;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, không sử dụng sai mục đích, có tên trong cơ sở dữ liệu hoặc sổ quản lý thì giấy phép lái xe, người có thẩm quyền cấp lại giấy phép lái xe.

Cơ quan quản lý giấy phép lái xe nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe; đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm cấp lại tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận, ghi rõ tên cán bộ thực hiện.

Điều 36. Thu hồi giấy phép lái xe

1. Giấy phép lái xe bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe sai đối tượng, không đúng thẩm quyền hoặc có hành vi gian lận trong quá trình sát hạch, cấp giấy phép lái xe;
- b) Người được cấp giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khỏe theo kết luận của cơ sở khám chữa bệnh đối với từng hạng giấy phép lái xe;
- c) Người được cấp giấy phép lái xe tẩy, xóa, làm sai lệch thông tin trên giấy phép lái xe;
- d) Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhưng người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

2. Trình tự giải quyết:

- a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giấy phép lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi, người có thẩm quyền ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe và thông báo cho cán bộ, chiến sĩ. Nội dung của quyết định cần nêu rõ lý do thu hồi;
- b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép lái xe, cán bộ, chiến sĩ được cấp giấy phép lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi cho cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhưng người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng;
- c) Cơ quan quản lý giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe thuộc trường hợp bị thu hồi; nhập thông tin vào phần mềm quản lý giấy phép lái xe, sổ quản lý giấy phép lái xe và gửi thông báo về việc thu hồi giấy phép lái xe tới đơn vị công tác của người có giấy phép lái xe bị thu hồi.

Điều 37. Giải quyết một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng:

- a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thì cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 34 Thông tư này;
- b) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến 12 tháng thì phải sát hạch lại lý thuyết;
- c) Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng trên 12 tháng thì phải sát hạch lại lý thuyết và thực hành kỹ năng lái xe.

2. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất:

Cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất khi có nhu cầu cấp lại thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư này.

3. Trường hợp giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng mà phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành kỹ năng lái xe thì cán bộ, chiến sĩ trực tiếp gửi hồ sơ đề nghị sát hạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư này về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức sát hạch lại. Thời gian hết thời hạn của Giấy phép lái xe được tính từ ngày hết thời hạn giá trị sử dụng ghi trên giấy phép lái xe đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị đổi giấy phép lái xe theo quy định. Cán bộ tiếp nhận phải đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm tiếp nhận hồ sơ sát hạch lại tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận, ghi rõ tên cán bộ thực hiện.

4. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe bằng chất liệu giấy còn thời hạn sử dụng nếu có nhu cầu thì được đổi sang giấy phép lái xe bằng chất liệu nhựa. Hồ sơ, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này.

5. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe ô tô và mô tô ghép chung: khi cán bộ, chiến sĩ có yêu cầu hoặc khi làm thủ tục đổi, cấp lại thì tách riêng giấy phép lái xe theo hạng xe tương ứng. Hạng, thời hạn và số giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 32 Thông tư này.

6. Trường hợp mất hồ sơ cấp giấy phép lái xe Công an nhân dân cần xác nhận thông tin trong hồ sơ cấp giấy phép lái xe:

a) Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm: văn bản đề nghị xác nhận thông tin hồ sơ giấy phép lái xe; bản sao giấy phép lái xe;

b) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ bị mất hồ sơ cấp giấy phép lái xe, không có tên trong cơ sở dữ liệu, sổ quản lý giấy phép lái xe của cơ quan quản lý giấy phép lái xe, gửi hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan quản lý giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo đề nghị xác nhận các thông tin thay thế hồ sơ cấp giấy phép lái xe.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe kiểm tra, xác nhận theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này và trả cho người lái xe tự bảo quản.

7. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có giấy phép lái xe Công an nhân dân khi thôi làm nhiệm vụ an ninh được đổi giấy phép lái xe đang sử dụng sang mẫu giấy phép lái xe ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

8. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có quyết định điều động công tác sang địa phương khác, khi giấy phép lái xe đến hạn, bị hỏng, bị mất phải đến cơ quan quản lý giấy phép lái xe nơi hiện đang công tác làm thủ tục đổi, cấp lại.

Điều 38. Thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

1. Thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện trên nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an. Cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính kê khai đầy đủ thông tin theo hướng dẫn và theo quy định Thông tư này lên nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và có trách nhiệm nộp lại các giấy tờ gốc cần phải nộp theo quy định khi nhận được các giấy tờ theo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các thông tin của hồ sơ điện tử với cơ sở dữ liệu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thông tin trùng khớp, đáp ứng điều kiện theo quy định thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gửi thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ để nộp lệ phí (nếu có) và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông báo không giải quyết thủ tục hành chính và nêu lý do. Việc trả kết quả bằng bản điện tử được thực hiện trên phần mềm quản lý giấy phép lái xe hoặc nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân. Việc trả kết quả bằng bản điện tử thông qua nền tảng giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ Bộ Công an hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân phải đảm bảo tính bảo mật theo quy định của Bộ Công an.

Chương V

BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 39. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của cơ sở đào tạo lái xe

1. Tiêu chuẩn

Cơ sở đào tạo lái xe ô tô đã có Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe được phép bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Trách nhiệm

a) Công khai điều kiện tuyển sinh, chương trình bồi dưỡng, học phí, lệ phí cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với học viên về đối tượng, độ tuổi, sức khỏe;

c) Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung, chương trình bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho các học viên đủ điều kiện;

d) Bảo quản hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

Điều 40. Hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ sau đây tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị học, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp theo quy định còn thời hạn sử dụng.

3. 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

Điều 41. Hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Hình thức bồi dưỡng

Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bằng hình thức tập trung.

2. Nội dung, chương trình bồi dưỡng

STT	Nội dung chương trình	Số giờ
1	Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ	12
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	8
3	Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
4	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	3
5	Ôn tập và kiểm tra	6
Tổng thời gian bồi dưỡng:		32

Điều 42. Kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 40 Thông tư này và báo cáo mở lớp với Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý.

2. Căn cứ Chương trình bồi dưỡng quy định tại Điều 41 Thông tư này, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp

chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người kiểm tra đạt yêu cầu. Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại theo đề nghị của người học.

3. Cơ sở đào tạo lái xe lập biên bản tổng hợp kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này để lưu hồ sơ bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo.

Điều 43. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chứng chỉ có giá trị không thời hạn và được sử dụng trong phạm vi cả nước;

c) Số chứng chỉ gồm 3 phần: số thứ tự; cơ quan cấp; năm cấp.

2. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, chiến sĩ dự kiểm tra đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo lái xe phải cấp chứng chỉ cho người học. Ngày cấp chứng chỉ là ngày ký Quyết định cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của cơ sở đào tạo;

b) Căn cứ kết quả kiểm tra, cơ sở đào tạo lái xe vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đổi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bị hỏng, sai lệch thông tin, có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được đổi theo số chứng chỉ đã cấp;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: đơn đề nghị học, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự;

c) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ lập hồ sơ đề nghị đổi chứng chỉ gửi cơ sở đào tạo lái xe. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp

lệ, cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm đổi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 quy định tại Thông tư này. Thời hạn và số của chứng chỉ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 43 Thông tư này.

4. Cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ sẽ được cấp lại;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: đơn đề nghị học, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; bản cam kết chịu trách nhiệm về chứng chỉ bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự;

c) Trình tự giải quyết: cán bộ, chiến sĩ lập hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ gửi cơ sở đào tạo lái xe. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và vào sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn và số của chứng chỉ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 43 Thông tư này.

5. Thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi trong trường hợp chứng chỉ được cấp không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền hoặc người được cấp có hành vi gian dối để được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

b) Trình tự giải quyết: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thuộc trường hợp bị thu hồi, người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ra Quyết định thu hồi chứng chỉ, thông báo cho cán bộ, chiến sĩ và báo cáo Cục Cảnh sát giao thông. Cán bộ, chiến sĩ có trách nhiệm nộp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho cơ sở đào tạo lái xe ngay sau khi Quyết định thu hồi có hiệu lực.

6. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm mở sổ theo dõi sử dụng phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Chương VI

QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂU MẪU, CÁC GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ CẤP CHỨNG CHỈ BOI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 44. Bảo quản hồ sơ

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm bảo quản các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập cơ sở đào tạo lái xe và hồ sơ công nhận năng lực đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ công tác đào tạo lái xe, gồm: sổ lên lớp; sổ theo dõi thực hành lái xe; danh sách giáo viên dạy lý thuyết và thực hành lái xe; danh sách xe tập lái;

c) Hồ sơ các lớp đào tạo, sát hạch lái xe, gồm: sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; quyết định về việc mở lớp đào tạo lái xe; công văn đề nghị mở lớp kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lái xe; công văn đề nghị sát hạch lái xe kèm theo danh sách học viên; quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, kèm theo danh sách kết quả sát hạch; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe;

d) Hồ sơ các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, gồm: báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; biên bản kết quả kiểm tra lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm theo danh sách học viên dự kiểm tra, danh sách học viên đạt yêu cầu, danh sách học viên không đạt yêu cầu; quyết định cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, kèm danh sách học viên được cấp chứng chỉ; sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; sổ theo dõi sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

đ) Thời gian bảo quản: 10 năm.

2. Trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân có trách nhiệm bảo quản các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập trung tâm sát hạch lái xe và Hồ sơ công nhận đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

b) Hồ sơ các kỳ sát hạch, gồm: quyết định về việc thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, kèm theo danh sách kết quả sát hạch; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe;

c) Thời gian bảo quản: 10 năm.

3. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm bảo quản hồ sơ theo quy định. Hồ sơ bảo quản gồm:

a) Bảo quản hồ sơ của cơ sở đào tạo lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này (trừ sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; sổ cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; sổ theo dõi sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ);

b) Bảo quản hồ sơ của trung tâm sát hạch lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

c) Bảo quản các tài liệu, giấy tờ bị thu hồi theo quy định tại Thông tư này;

d) Bảo quản dữ liệu điện tử về đào tạo, sát hạch, cấp, quản lý giấy phép lái xe;

đ) Bảo quản danh sách đổi, cấp lại giấy phép lái xe;

e) Thời gian bảo quản: vĩnh viễn đối với điểm d khoản này và 10 năm đối với hồ sơ, tài liệu còn lại.

Điều 45. Quản lý biểu mẫu, các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. In, quản lý, sử dụng biểu mẫu

a) Cục Cảnh sát giao thông phối hợp với Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an thống nhất thiết kế, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật các loại biểu mẫu: giấy phép lái xe, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, Giấy phép xe tập lái. Các biểu mẫu được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an do Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm đặt in theo đăng ký của Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe;

b) Trừ các biểu mẫu do Cục Cảnh sát giao thông đặt in, quản lý tại điểm a khoản này, các biểu mẫu còn lại Phòng Cảnh sát giao thông, cơ sở đào tạo lái xe tự in và quản lý, sử dụng theo quy định;

c) Các biểu mẫu quy định tại điểm a khoản này bị hỏng thì phải thống kê theo số phiê và định kỳ 01 năm cơ quan quản lý giấy phép lái xe thành lập Hội đồng hủy;

d) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Phòng Cảnh sát giao thông đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng biểu mẫu giấy phép lái xe. Kinh phí in, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí của Công an cấp tỉnh;

đ) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, cơ sở đào tạo lái xe đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Kinh phí in, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe

a) Hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp biểu mẫu in sai thông tin, in lỗi và các trường hợp phải thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 11, khoản 6 Điều 13, khoản 5 Điều 15, khoản 8 Điều 24 và Điều 36 Thông tư này;

b) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Cục Cảnh sát giao thông do Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông và Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp làm Phó Chủ tịch Hội đồng; cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp làm ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu thuộc Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm thư ký;

c) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe của Công an cấp tỉnh do Trưởng phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hậu cần làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ làm ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu thuộc Phòng Cảnh sát giao thông làm thư ký;

d) Hội đồng hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm kiểm kê, tiến hành tiêu hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe để

không còn giá trị sử dụng, lập biên bản hủy biểu mẫu và các giấy tờ có liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh về kết quả thực hiện.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Thẩm quyền tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại Điều 5 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Chương trình đào tạo lái xe theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

4. Nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành kỹ năng lái xe nâng cao, sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 30 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

5. Việc cấp bản điện tử của các loại giấy tờ sau được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2027: Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; giấy phép xe tập lái; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân; quyết định mở lớp đào tạo lái xe; quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

6. Thông tư số 66/2024/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp sau đây:

a) Quy định tại Điều 4 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026;

b) Quy định tại các điều 19, 20 và 21 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027;

c) Quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 66/2024/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

Điều 47. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại theo quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BCA được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trong giấy phép và có hiệu lực sử dụng như sau:

a) Hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện từ 04 kW đến dưới 14 kW;

b) Hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14 kW trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này và các xe tương tự;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng B2 được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại điểm đ, điểm e khoản này;

h) Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 09 đến 29 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g khoản này;

i) Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 29 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản này;

k) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm e, điểm h khoản này khi kéo rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm g khoản này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm i khoản này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa.

2. Giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 khi đổi, cấp lại thực hiện như sau:

a) Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

b) Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển xe máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 (loại chuyển số cơ khí), hạng B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B hoặc hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

h) Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

i) Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng BE hoặc C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải đến 3.500 kg;

k) Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

l) Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg;

m) Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có trọng tải trên 3.500 kg.

3. Đối với các khóa đào tạo lái xe chưa hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì phải thực hiện nội dung đào tạo lái xe theo Thông tư này.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe về công tác đào tạo lái xe, sát hạch lái xe, cấp Giấy phép lái xe, quản lý Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân;

c) Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất thực hiện kiểm tra việc duy trì năng lực đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; kiểm tra công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho học viên của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý giấy phép lái xe thực hiện việc đổi giấy phép lái xe Công an nhân dân sang giấy phép lái xe hệ dân sự, quân sự trước khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với cán bộ, chiến sĩ, người lao động của đơn vị.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn. *ph*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Các học viện, trường Công an nhân dân;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, V03, C08.

 **BỘ TRƯỞNG**
Alman
Đại tướng Lương Tam Quang